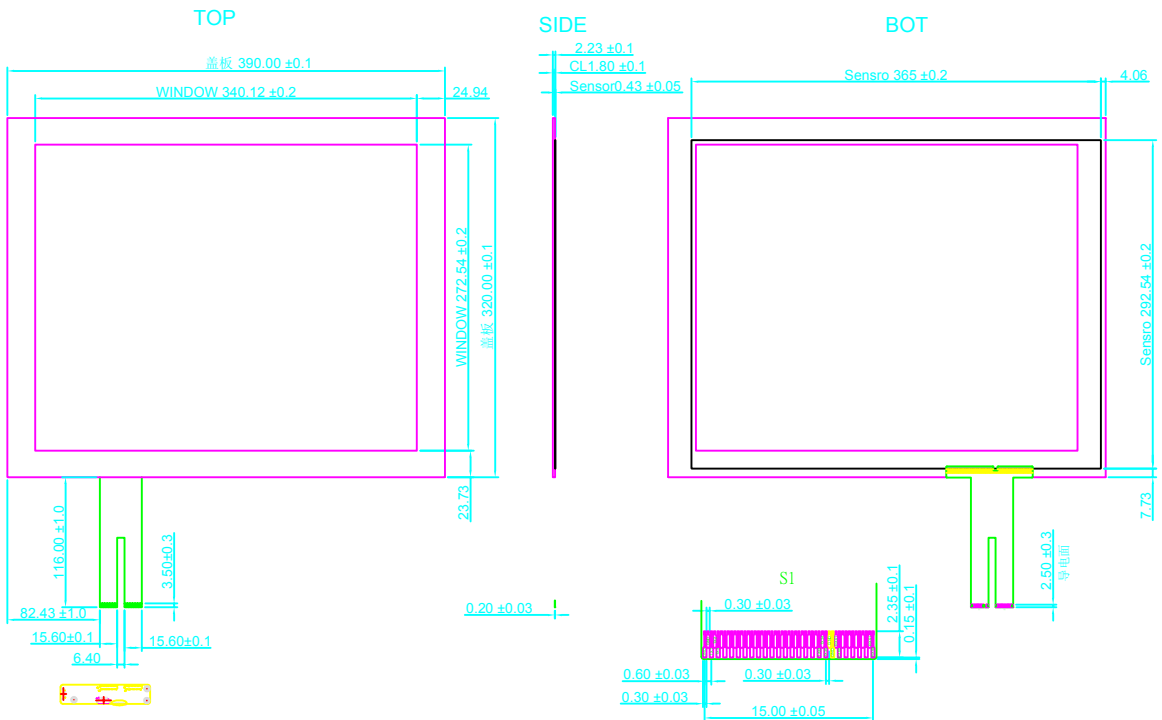


REV.	DESCRIPTION	DATE	NAME
------	-------------	------	------

S1		S2	
Pin No	Function	Pin No	Function
1	VDD	1	VDD
2	NC	2	NC
3	NC	3	NC
4	NC	4	NC
5	NC	5	NC
6	NC	6	NC
7	NC	7	NC
8	NC	8	NC
9	NC	9	NC
10	NC	10	NC
11	NC	11	NC
12	NC	12	NC
13	NC	13	NC
14	NC	14	NC
15	NC	15	NC
16	NC	16	NC
17	NC	17	NC
18	NC	18	NC
19	NC	19	NC
20	NC	20	NC
21	NC	21	NC
22	NC	22	NC
23	NC	23	NC
24	NC	24	NC
25	NC	25	NC
26	NC	26	NC
27	NC	27	NC
28	NC	28	NC
29	NC	29	NC
30	NC	30	NC
31	NC	31	NC
32	NC	32	NC
33	NC	33	NC
34	NC	34	NC
35	NC	35	NC
36	NC	36	NC
37	NC	37	NC
38	NC	38	NC
39	NC	39	NC
40	NC	40	NC
41	NC	41	NC
42	NC	42	NC
43	NC	43	NC
44	NC	44	NC
45	NC	45	NC
46	NC	46	NC
47	NC	47	NC
48	NC	48	NC
49	NC	49	NC
50	NC	50	NC
51	NC	51	NC
52	NC	52	NC
53	NC	53	NC
54	NC	54	NC
55	NC	55	NC
56	NC	56	NC
57	NC	57	NC
58	NC	58	NC
59	NC	59	NC
60	NC	60	NC
61	NC	61	NC
62	NC	62	NC
63	NC	63	NC
64	NC	64	NC
65	NC	65	NC
66	NC	66	NC
67	NC	67	NC
68	NC	68	NC
69	NC	69	NC
70	NC	70	NC
71	NC	71	NC
72	NC	72	NC
73	NC	73	NC
74	NC	74	NC
75	NC	75	NC
76	NC	76	NC
77	NC	77	NC
78	NC	78	NC
79	NC	79	NC
80	NC	80	NC
81	NC	81	NC
82	NC	82	NC
83	NC	83	NC
84	NC	84	NC
85	NC	85	NC
86	NC	86	NC
87	NC	87	NC
88	NC	88	NC
89	NC	89	NC
90	NC	90	NC
91	NC	91	NC
92	NC	92	NC
93	NC	93	NC
94	NC	94	NC
95	NC	95	NC
96	NC	96	NC
97	NC	97	NC
98	NC	98	NC
99	NC	99	NC
100	NC	100	NC




Remarks:

- 1. IC Solution: ILITEK 2302
- 2. Structure: GFF
- 3. All materials conform to RoHs Standard

MATERIAL CHARACTERISTICS	
Items	Specification
TP Structure	IGFF
IC Solution	Follow Spec
Transmittance	≥ 85%
Operating Temp.	20-70°C
Storage Temp.	-30-80°C
Surface Hardness	≥ 8H
Black Ink	Pantone Black C
备注1	本图尺寸除公差外均为参考
备注2	包内附尺寸书仅供参考
备注3	带*尺寸特别特殊尺寸

SINOTELECTRONICS INC.

GENERAL TOL:	ALL UNITS:	DATE:	MODEL NUMBER :		SHEET:	1 OF 9	
DWN:	mm	12.01			C0717A0-V0 CTP 工程图	DATE:	2016.12.01
CHK:						DO NOT SCALE THIS DRAWING.	PROJECTION